

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Dự kiến)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Tên viết tắt: ĐHXDMT

Tên tiếng Anh: Mien Tay Construction University

2. Mã trường: MTU

3. Địa chỉ các trụ sở:

Địa chỉ: Số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 3.825.903, 3.839.768; Fax: (0270) 3827457

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.mtu.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02703.825.903

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://mtu.edu.vn/?ArticleId=0dbfbdcf-0bb1-4351-937c-c417f97f67b1>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường: <https://mtu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, cụ thể như sau:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Chế độ ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng: Theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tuyển sinh bằng các phương thức:

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Xét tổ hợp 03 môn từ kết quả thi THPT năm 2025.

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh tương đương IELTS 4.0 trở lên có thể sử dụng để quy đổi điểm thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (Bảng 1). Các chứng chỉ sử dụng để quy đổi phải còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ).

- Xét điểm trung bình 03 môn trong tổ hợp xét tuyển năm học lớp 12 hoặc 03 năm học lớp 10, 11, 12.

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh tương đương IELTS 4.0 trở lên có thể sử dụng để quy đổi điểm thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (Bảng 1). Các chứng chỉ sử dụng để quy đổi phải còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển.

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2025.

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2025, có điểm bài thi cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng.

Bảng 1. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành điểm môn Tiếng Anh trong xét tuyển đại học chính quy năm 2025

STT	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC				TOEFL ITP	Điểm quy đổi
			Nghe	Đọc	Nói	Viết		
1	4.0	30-34	275	275	120	120	450	7.0
2	4.5	35-39	320	312	150	130	467	7.5
3	5.0	40-45	360	348	155	140	484	8.0
4	5.5	46-60	400	385	160	150	500	8.5
5	6.0	61-77	430	408	165	160	535	9.0
6	6.5	78-93	460	431	170	170	570	9.5

STT	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC				TOEFL ITP	Điểm quy đổi
			Nghe	Đọc	Nói	Viết		
7	7.0	94 trở lên	490	455	180	180	600	10

Trường ĐHXD Miền Tây chỉ chấp nhận quy đổi điểm môn Tiếng Anh từ các chứng chỉ cấp bởi các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để miễn bài thi ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hiện hành.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường xác định và công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng (Kỹ sư/cử nhân)						
1	7580201	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Kỹ sư)	7580201	280	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	
2		Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Cử nhân)				
3		Công nghệ thi công và An toàn lao động (Kỹ sư)				
4		Công trình ngầm đô thị (Kỹ sư)				
5		Quản lý dự án xây dựng (Kỹ sư)				
6		Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Chương trình tiếng Anh tăng cường (Kỹ sư)				
Nhóm ngành Kiến trúc (Kiến trúc sư)						
7	7580101	Kiến trúc công trình	7580101	100	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A06, A07, A10, C01, C03, D01; - Phương thức 3.	
8		Kiến trúc Đồ họa				
9		Kiến trúc Nội thất				
10		Kiến trúc Cảnh quan				
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (Kỹ sư)						
11	7580205	Xây dựng Cầu đường	7580205	50	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	
12		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng				

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
Nhóm ngành Kỹ thuật môi trường (Kỹ sư)						
13	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A02, A04, A06, A10, A11, B00, C01, D01; - Phương thức 3.	
14		Công nghệ môi trường và Quản lý tài nguyên đất đai				
Nhóm ngành Kế toán (Cử nhân)						
15	7340301	Kế toán Doanh nghiệp	7340301	30	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A05, A06, A10, A11, C03, D01; - Phương thức 3.	
16		Kế toán Doanh nghiệp – Xây dựng				
Nhóm ngành Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư)						
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	40	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A10, A11, C01, D01, D07, X06, X26; - Phương thức 3.	
18		Lập trình nhúng IoT				
Nhóm ngành Quản lý đô thị và công trình (Kỹ sư)						
19	7580106	Quản lý đô thị và công trình	7580106	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A10, A11, C01, C03, D01, X06; - Phương thức 3.	
20		Kinh tế và Quản lý bất động sản				

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
21	7580213	Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước (Kỹ sư)	7580213	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A02, A04, A06, A10, A11, B00, C01, D01; - Phương thức 3.	
22	7580202	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy (Kỹ sư)	7580202	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	

- Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ); kết quả thi tốt nghiệp THPT:

STT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lý, Sinh học
4	A03	Toán, Vật lý, Lịch sử
5	A04	Toán, Vật lý, Địa lý
6	A05	Toán, Hóa học, Lịch sử
7	A06	Toán, Hóa học, Địa lý
8	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý
9	A10	Toán, Vật lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật
10	A11	Toán, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật
11	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
12	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
13	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
14	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
15	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
16	X06	Toán, Vật lý, Tin học
17	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Thí sinh kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật đối với ngành Kiến trúc.
- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành có tổng điểm 3 môn bằng nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh) và bằng với mức điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, Trường sẽ xét trúng tuyển thí sinh có điểm môn Toán cao hơn đối với phương thức 1 và 2. Đối với thí sinh xét tuyển phương thức 3 nếu có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì ưu tiên theo thứ tự thí sinh có điểm trung bình môn Toán – Logic – Phân tích số liệu từ cao xuống.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

5.3. Xác nhận nhập học

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Đăng ký xét tuyển

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Trực tuyến trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với một số phương thức xét tuyển thí sinh phải đăng ký trước với Nhà trường qua các hình thức trực tuyến, cụ thể:

+ Xét tuyển phương thức 2 xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ): Thí sinh đăng ký trực tuyến tại <http://xttt.mtu.edu.vn/>;

+ Đăng ký quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại <http://xttt.mtu.edu.vn/>.

6.2. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển và thời gian xét tuyển

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.3. Tổ chức kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật năm 2025

a. Ngành xét tuyển

- Ngành Kiến trúc:

+ Chuyên ngành Kiến trúc Công trình;

+ Chuyên ngành Kiến trúc Nội thất;

+ Chuyên ngành Kiến trúc Đồ họa;

+ Chuyên ngành Kiến trúc Cảnh quan.

b. Đăng ký kiểm tra năng lực đầu vào Vẽ Mỹ thuật

- Đợt 1: tháng 4/2025

- Đợt 2: tháng 5/2025

- Đợt 3: tháng 6/2025
- Các đợt kiểm tra tiếp theo dự kiến vào tháng 7 và tháng 8/2025.
- Địa điểm kiểm tra: tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây hoặc các cụm Trường THPT.

c. Cách thức nộp hồ sơ

- Theo 1 trong 3 cách sau:
 - + Đăng ký trực tuyến tại: <http://xttt.mtu.edu.vn/>
 - + Trực tiếp tại Ban Tư vấn tuyển sinh – Trường ĐHXD Miền Tây: Số 20B, Phó Cơ Điều, Phường 3, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: 02703. 825.903; 0914.792.380.
 - + Qua Bưu điện chuyển phát nhanh.
- Hồ sơ gồm:
 - + Phiếu đăng ký: theo **Mẫu 1** (*Kèm theo*) của Trường, tải tại trang web: www.mtu.edu.vn
 - + 02 tấm ảnh 4x6 (*ghi rõ họ tên, ngày tháng, năm sinh sau mỗi tấm ảnh*)
- Lệ phí dự thi: **Miễn phí.**

7. Chính sách ưu tiên

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Miễn phí lệ phí xét tuyển và thi tuyển.

9. Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

10. Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.1. Xác nhận nhập học

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cần xác nhận nhập học theo các bước sau:

- **Bước 1:** Xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Bước 2:** Nhập học trực tiếp hoặc trực tuyến trên hệ thống của Trường sau khi đã xác nhận nhập trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông báo hướng dẫn chi tiết tại Website của Trường).

10.2. Thời gian nhập học: Dự kiến tháng 8 năm 2025.

11. Các chính sách hỗ trợ

- Sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy định hiện hành.
- Miễn học phí toàn khóa học cho 02 Tân sinh viên thủ khoa trúng tuyển có điểm cao nhất (*áp dụng cho 01 sinh viên xét tuyển điểm thi THPT và 01 sinh viên xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT*).
- Miễn phí học phí năm nhất cho Tân sinh viên là thủ khoa ngành.
- Giảm 50% học phí năm nhất cho sinh viên là con, em của cán bộ, viên chức, người lao động đang công tác tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.
- Giảm 50% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất cho Tân sinh viên có anh chị em ruột đang học tập tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, Tân sinh viên là con của Thầy/Cô các trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX.
- Miễn phí Ký túc xá 02 năm đầu và miễn phí sử dụng cơ sở vật chất: Internet, thư viện điện tử, khu phức hợp thể dục thể thao, phòng tập thể hình...
- Cam kết giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp tại các Công ty/Doanh nghiệp trong nước và nước ngoài như: Nhật Bản, CHLB Đức,....
- Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học xuất sắc, giỏi, vượt khó và sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện được Nhà trường và doanh nghiệp tặng học bổng hàng năm (từ 02 triệu – 10 triệu đồng/ năm).
- Sinh viên học tập đạt loại xuất sắc được Nhà trường trao học bổng học tập từ 1.300.000đ - 1.650.000đ/tháng (hơn 02 tỷ đồng/năm, tùy vào quỹ học bổng hàng năm của Trường).
- Được cấp học bổng du học ngắn ngày tại Thái Lan, Đài Loan, Lào... Được đào tạo kiến thức, các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội. Có lớp chọn học bằng Tiếng Anh/Tiếng Nhật (*dành cho sinh viên có nguyện vọng làm việc tại Nhật Bản/ngoài nước*).

11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

11.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Áp dụng theo mức trần học phí qui định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Đối với ngành Kiến trúc, Xây dựng, Giao thông, Cấp thoát nước, Môi trường, Quản lý đô thị và Công trình, Kỹ thuật phần mềm, mức học phí khoảng 6,5 - 7,0 triệu đồng/học kỳ.

- Đối với ngành Kế toán, mức học phí khoảng 6,2 - 6,8 triệu đồng/học kỳ.

- Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thân thể,... theo Quy định của Nhà nước.

11.2. Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

12. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023				Năm 2024			
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
						100	200/406			100	200/406
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	100,200	250	207	15	18	280	194	14.5	18
2	Kiến trúc	7580101	100,406	70	55	15	18	100	100	15	18
3	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông	7580205	100,200	50	41	15	18	50	39	15	18
4	Quản lý đô thị và công trình	7580106	100,200	20	9	15	18	40	9	15	18
5	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	100,200	25	7	15	18	25	10	15	18
6	Kỹ thuật phần mềm	7480103	100,200	40	13	15.45	18	40	21	15	18
7	Kế toán	7340103	100,200	25	9	15	18	40	19	15	18
8	Kỹ thuật môi trường	7520320	100,200	20	0	15	18	25	5	15	18

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025